CÔNG TY TNHH MTV
DƯỢC SÀI GÒN
18-20 Nguyễn Trường Tộ,
Phường 12, Quận 4, Tp.HCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG MUA BÁN

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 02 năm 2021

Hợp đồng số: **320/2021/SPC-VX**

Gói thầu: **Gói thầu thuốc generic (vắc xin)**

Dự án Mua sắm thuốc năm 2020 – 2021

- Căn cứ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 của Quốc hội;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 của Quốc hội;
- Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 của Quốc hội;
- Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;
- Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ Y tế quy định việc đấu thầu mua thuốc tại các cơ sở y tế công lập;
- Căn cứ Quyết định số 169/QĐ-BVTD ngày 18/01/2021 của Giám đốc Bệnh viện Từ Dũ phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu thuốc generic (vắc xin) thuộc Dự án Mua sắm thuốc năm 2020 – 2021 và Thông báo số 106/TB-BVTD ngày 19/01/2021 của Giám đốc Bệnh viện Từ Dũ về kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu thuốc generic (vắc xin) thuộc Dự án Mua sắm thuốc năm 2020 –2021;
- Căn cứ biên bản hoàn thiện, ký kết hợp đồng Gói thầu thuốc generic (vắc xin) thuộc Dự án Mua sắm thuốc năm 2020 – 2021 đã được Bệnh viện Từ Dũ và nhà thầu được ký kết ngày 29/01/2021.

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Bên mua: BỆNH VIỆN TỪ DŨ
Địa chỉ: 284 Cống Quỳnh, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028-38395117 (229) hoặc 028-54042839
Tài khoản: **3714.0.1076747.00000** tại Kho bạc Nhà nước Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Mã số thuế: **0301368580**
Đại diện: **LÊ QUANG THANH**
Chức vụ: Giám đốc

Bên bán: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN
Địa chỉ : 18-20 Nguyễn Trường Tộ, Phường 12, Quận 4, Tp.HCM
Điện thoại : 18002033, 028.71079879; 028.39400388 (bấm 124)
Fax : 028. 38261636
Số tài khoản : 13010001883317 (VND), tại ngân hàng TMCP Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam (BIDV), Chi nhánh: sở giao dịch 2 TP. Hồ Chí Minh
Mã Ngân hàng: 79202001

Mã số thuế : 0300523385

Đại diện : DS. Nguyễn Huy Quang – Chức vụ: Phó Tổng Giám Đốc

(Theo giấy uỷ quyền số 125/UQ-SPC-NSHC ngày 21 tháng 07 năm 2020).

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng là các hàng hóa được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phụ lục danh mục hàng hoá);
2. Thư chấp thuận HSDT và trao Hợp đồng;
3. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
4. Quyết định số 169/QĐ-BVTD ngày 18/01/2021 của Giám đốc Bệnh viện Từ Dũ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu thuốc generic (vắc xin) thuộc Dự án Mua sắm thuốc năm 2020 – 2021;
5. Điều kiện cụ thể của hợp đồng;
6. Điều kiện chung của hợp đồng;
7. Hồ sơ dự thầu và các văn bản làm rõ hồ sơ dự thầu của nhà thầu trúng thầu (nếu có);
8. Hồ sơ mời thầu và các tài liệu sửa đổi hồ sơ mời thầu (nếu có);
9. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Nội dung yêu cầu đối với bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Thời hạn thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng: trong vòng 10 ngày sau khi có thông báo trúng thầu.
2. Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: bằng hình thức thư bảo lãnh do Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành.
3. Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: *357.288.192 đồng*
4. Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: là thời hạn hiệu lực hợp đồng cộng thêm 30 ngày kể từ ngày hợp đồng hết hiệu lực.
5. Thời hạn bệnh viện hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng tối đa là 30 ngày sau khi Biên bản thanh lý hợp đồng mua bán thuốc với nhà thầu được ký kết (đối với bảo đảm thực hiện hợp đồng bằng chuyển khoản).

Điều 4. Trách nhiệm của bên bán

1. Bên bán cam kết giá thuốc không cao hơn giá bán buôn kê khai hoặc kê khai lại với Cục Quản lý Dược còn hiệu lực. Đơn giá thuốc do nhà thầu cung cấp đảm bảo đúng theo đơn giá của thuốc trúng thầu.

   Giá thuốc Bên B cung cấp và được Bên A thanh toán không cao hơn 5% so với giá thuốc cùng tên thương mại trúng thầu thấp nhất của các cơ sở y tế công lập Thành phố Hồ Chí Minh trong khoảng thời gian 6 tháng của ngày có kết quả Gói thầu thuốc generic (vắc xin) thuộc Dự án Mua sắm thuốc năm 2020 – 2021 theo Công văn số 2524/UBND-VX ngày 25/05/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc mua sắm thuốc tại các cơ sở y tế công lập của thành phố hoặc theo văn bản chỉ đạo mới của các cấp có thẩm quyền và Bảo hiểm Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh về nội dung nêu

trên (nếu có). Nếu có giảm giá, thời điểm áp dụng tính từ ngày bắt đầu ký hợp đồng đến khi hợp đồng hết hiệu lực.

2. Số lượng thuốc cung cấp:

   Bên A mua thuốc theo danh mục thuốc đính kèm, số lượng thuốc có thể thay đổi tùy theo nhu cầu sử dụng thực tế để phục vụ công tác khám chữa bệnh của bệnh viện.

   Các trường hợp được phép mua vượt số lượng nhưng không được vượt quá 20% so với số lượng của nhóm thuốc đó trong hợp đồng đã ký (theo quy định tại Khoản 5 Điều 37 Thông tư số 15/2019/TT-BYT của Bộ Y tế).

3. Cam kết cung cấp cho Bên mua đầy đủ các loại hàng hóa như nêu tại Điều 1 của hợp đồng này trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu đặt hàng bằng văn bản hoặc qua điện thoại của Bên mua, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng;

4. Bên bán giao hàng hóa theo đơn đặt hàng của bên mua tại khoa Dược của Bệnh viện Từ Dũ, địa chỉ: 284 Cống Quỳnh, P. Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP.HCM.

   Khi giao hàng, bên bán phải cung cấp hóa đơn, chứng từ hợp lệ đi kèm. Lưu ý: hóa đơn phải được ghi đầy đủ thông tin gồm tên thuốc, nồng độ, hàm lượng, lô sản xuất, nước sản xuất, hạn sử dụng, số lượng, đơn giá, thành tiền,...

   Đối với thuốc có yêu cầu bảo quản lạnh từ 2°C đến 15°C phải đảm bảo dây chuyền lạnh và có nhiệt kế theo dõi nhiệt độ, phiếu ghi nhiệt độ tại thời điểm giao hàng.

5. Trong trường hợp có xảy ra các sự cố nguy hại, ảnh hưởng đến người bệnh liên quan đến sử dụng thuốc do Bên bán cung cấp thì bên bán có trách nhiệm bồi thường vật chất và tinh thần cho người bệnh theo sự thỏa thuận với người bệnh hoặc quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 5. Trách nhiệm của bên mua

1. Mua thuốc với số lượng phù hợp với nhu cầu sử dụng trong điều trị tại bệnh viện. Khi có thay đổi, phát sinh nhu cầu về số lượng thuốc trong hợp đồng, hai bên sẽ bàn bạc, điều chỉnh hợp đồng theo sự thoả thuận giữa Bệnh viện và nhà thầu phù hợp với quy định của pháp luật;

2. Cam kết thanh toán cho Bên bán theo giá hợp đồng nêu tại Điều 6 của hợp đồng này theo phương thức được quy định trong điều kiện cụ thể của hợp đồng, cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm được quy định trong hợp đồng của Bệnh viện Từ Dũ và nhà thầu trúng thầu;

3. Bên mua chỉ nhận thuốc có hạn sử dụng còn lại của thuốc trúng thầu tính từ thời điểm thuốc cung ứng cho cơ sở y tế bảo đảm tối thiểu còn 06 tháng đối với thuốc có hạn dùng từ 02 năm trở lên; 03 tháng đối với thuốc có hạn dùng từ 01 đến dưới 02 năm; 1/4 hạn dùng đối với thuốc có hạn dùng dưới 01 năm hoặc trường hợp đặc biệt chủ đầu tư/bên mời thầu và nhà thầu sẽ thương thảo.

Điều 6. Giá trị hợp đồng, phương thức và thời hạn thanh toán

1. Giá trị hợp đồng: *7.145.763.840 đồng*

   Số tiền bằng chữ: Bảy tỷ một trăm bốn mươi lăm triệu bảy trăm sáu mươi ba nghìn tám trăm bốn mươi đồng.

2. Phương thức thanh toán: Thanh toán bằng chuyển khoản

   - Đơn vị thụ hưởng: ***CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN***
   - Số tài khoản: 13010001883317 (VNĐ)

- Ngân hàng: ***TMCP Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam (BIDV), Chi nhánh: sở giao dịch 2 TP. Hồ Chí Minh***

3. Điều kiện thanh toán: Hàng hóa được xem là đủ điều kiện thanh toán khi đã được giao cho bệnh viện, được kiểm tra chất lượng và được cung cấp đầy đủ hóa đơn và chứng từ hợp lệ, hợp pháp. Chứng từ hợp lệ là chứng từ phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm giao nhận thuốc.
4. Thời hạn thanh toán: Bên mua sẽ thanh toán cho Bên bán trong vòng 90 ngày kể từ khi bên bán xuất trình đầy đủ các chứng từ theo đúng qui định của pháp luật, hoàn tất thủ tục thanh toán (giao hàng, biên bản giao nhận hàng, hóa đơn hợp pháp, hợp lệ, biên bản nghiệm thu theo từng tháng, bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành (mẫu 8a), giấy ủy quyền đúng mẫu và các chứng từ thanh toán hợp lệ khác trong phạm vi trách nhiệm của Bên bán theo từng đợt).
5. Đồng tiền thanh toán theo hợp đồng: Việt Nam đồng (VNĐ)

Điều 7. Hình thức hợp đồng: Hợp đồng trọn gói

Điều 8. Thủ tục giải quyết tranh chấp hợp đồng:

1. Hai bên cần chủ động thông báo cho nhau tiến độ thực hiện hợp đồng. Nếu có vấn đề bất lợi phát sinh, các bên phải thông báo cho nhau kịp thời bằng văn bản và tích cực thương lượng, giải quyết trên tinh thần hợp tác và tôn trọng.
2. Trường hợp các bên không thỏa thuận được sẽ yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết. Phán quyết của tòa án sẽ có giá trị thi hành và các chi phí về kiểm tra, xác minh, án phí sẽ do bên có lỗi thanh toán.

Điều 9. Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký.

Điều 10. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày 01/02/2021.
2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành 06 (sáu) bộ có giá trị pháp lý như nhau, bên mua giữ 03 (ba) bộ, bên bán giữ 03 (ba) bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN CỦA BÊN BÁN **KT. TỔNG GIÁM ĐỐC** **PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**	**ĐẠI DIỆN CỦA BÊN MUA** **GIÁM ĐỐC**
M.S.D.N: 0300523305 - C.T.T.N.H.H CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN QUẬN 4 - T.P HỒ CHÍ MINH	SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH BỆNH VIỆN TỪ DŨ
Nguyễn Huy Quang	**Lê Quang Thanh**

2VX

PHỤ LỤC
DANH MỤC HÀNG HÓA THEO HỢP ĐỒNG

(Kèm theo Hợp đồng số **320/2021/SPC-VX**, ngày 01 tháng 02 năm 2021)

Công ty : Công Ty TNHH Một Thành Viên Dược Sài Gòn
Danh mục hàng hóa

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất/ Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế, đường dùng	Quy cách đóng gói	Hạn dùng (Tuổi thọ) Tháng	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá *(có VAT)*	Thành tiền *(có VAT)*
01	**TETRAXIM**	Giải độc tố bạch hầu >= 30IU, Giải độc tố uốn ván >= 40IU; Các kháng nguyên Bordetella pertussis gồm: giải độc tố (PTxd) 25 mcg và ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA) 25 mcg; Virus bại liệt týp 1 bất hoạt: 40 D.U; Virus bại liệt týp 2 bất hoạt 8 D.U; Virus bại liệt týp 3 bất hoạt 32 D.U	0,5ml		Hộp 1 bơm tiêm nạp sẵn 1 liều 0,5ml vắc-xin. Hộp 10 bơm tiêm, mỗi bơm nạp sẵn 1 liều (0,5ml) vắc-xin	36	QLVX-826-14 (Công văn duy trì hiệu lực số đăng ký số 16268/QLD-ĐK ngày 18/09/2019)	Sanofi Pasteur Pháp	Liều	720	**378.672**	272.643.840
02	**HEXAXIM**	Mỗi liều 0,5ml chứa: * Giải độc tố bạch hầu: không dưới 20 IU; * Giải độc tố uốn ván: không dưới 40 IU; * Kháng nguyên Bordetella pertussis: Giải độc tố ho gà (PT) 25mcg, Ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA): 25mcg; * Virus bại liệt (bất hoạt): - Týp 1 (Mahoney): 40 đơn vị kháng nguyên D, - Týp 2 (MEF-1): 8 đơn vị kháng nguyên D, - Týp 3 (Saukett): 32 đơn vị kháng nguyên D, * Kháng nguyên bề mặt viêm gan B: 10mcg; * Polysaccharide của Haemophillus influenzae týp b (Polyribosylribitol Phosphate) 12mcg cộng hợp với protein uốn ván 22-36 mcg.	0,5ml		Hộp 1 bơm tiêm nạp sẵn 1 liều 0,5ml và 2 kim tiêm; Hộp 10 bơm tiêm nạp sẵn 1 liều 0,5ml và 20 kim tiêm; Hộp 10 lọ, lọ 1 liều 0,5ml	36	QLVX-1076-17	Sanofi Pasteur Pháp	Bơm Tiêm	3.600	**824.000**	2.966.400.000

03	**MENACTRA**	Mỗi liều 0,5ml chứa: - Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh A) (đơn giá cộng hợp) 4mcg; - Polysaccharide não mô cầu (nhóm huyết thanh C) (đơn giá cộng hợp) 4mcg; - Polysaccharide não mô cầu (nhóm huyết thanh Y) (đơn giá cộng hợp) 4mcg; - Polysaccharide não mô cầu (nhóm huyết thanh W-135) (đơn giá cộng hợp) 4mcg; - Protein giải độc tố bạch hầu 48 mcg (Protein mang cộng hợp polysaccharide đối với tất cả các nhóm huyết thanh)	0,5ml		Hộp 1 lọ, lọ 1 liều x 0,5ml	24	QLVX-H03-1111-18	Sanofi Pasteur Inc. Mỹ	Lọ	2.500	**1.050.000**	2.625.000.000
04	**VAXIGRIP (0,5ML)**	Virus cúm, tách ra từ các hạt virion, bất hoạt 15mcg HA/0,5ml.	15mcg HA/0,5ml		Hộp 1 bơm tiêm nạp sẵn 0,5ml vắc xin	12	QLVX-0646-13 (Công văn duy trì hiệu lực số đăng ký số 1245/QLD-ĐK ngày 15/02/2020)	Sanofi Pasteur Pháp	Bơm Tiêm	2.000	**215.985**	431.970.000
05	**VAXIGRIP (0,25ML)**	Virus cúm, tách ra từ các hạt virion, bất hoạt 7,5 mcg HA/0,25ml.	7,5mcg HA/0,25ml		Hộp 1 bơm tiêm nạp sẵn 0,25ml vắc xin	12	QLVX-0652-13 (Công văn duy trì hiệu lực số đăng ký số 1244/QLD-ĐK ngày 10/02/2020)	Sanofi Pasteur Pháp	Bơm Tiêm	5.000	**169.950**	849.750.000

Tổng số mặt hàng: 05 mặt hàng
Tổng giá trị hợp đồng : 7.145.763.840 đồng
(Số tiền bằng chữ: Bảy tỷ một trăm bốn mươi lăm triệu bảy trăm sáu mươi ba nghìn tám trăm bốn mươi đồng)

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP BÊN BÁN
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN

Nguyễn Huy Quang

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP BÊN MUA
GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN TỪ DŨ

Lê Quang Thanh

SỞ Y TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN TỪ DŨ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 01 năm 2021

BIÊN BẢN THƯƠNG THẢO HỢP ĐỒNG

Gói thầu thuốc generic (vắc xin)

Dự án Mua sắm thuốc năm 2020 – 2021

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH 11 ngày 26/11/2013 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ Y tế qui định về việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Quyết định số 1647/QĐ-BVTD ngày 04/8/2020 của Giám đốc Bệnh viện Từ Dũ phê duyệt dự toán mua sắm thuốc, vắc xin năm 2020 - 2021;

Căn cứ Quyết định số 5692/QĐ-SYT ngày 27/8/2020 của Giám đốc Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Mua sắm thuốc năm 2020 – 2021 của Bệnh viện Từ Dũ;

Căn cứ Quyết định số 3050/QĐ-BVTD ngày 18/12/2020 của Giám đốc Bệnh viện Từ Dũ phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật của Gói thầu thuốc generic (vắc xin);

Căn cứ Quyết định số 11/QĐ-BVTD ngày 05 tháng 01 năm 2021 của Giám đốc bệnh viện Từ Dũ về việc phê duyệt Danh sách xếp hạng nhà thầu của Gói thầu thuốc generic (vắc xin);

Hôm nay, lúc 9 giờ, ngày 06 tháng 01 năm 2021 tại bệnh viện Từ Dũ, địa chỉ 284 Cống Quỳnh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, chúng tôi, đại diện cho các bên thương thảo hợp đồng, gồm có:

I. Thành phần tham gia thương thảo:

Đại diện Bên mời thầu (Bên A): BỆNH VIỆN TỪ DŨ

Địa chỉ: 284 Cống Quỳnh, P. Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 38395117 – 54042839

Đại diện là ông/bà: LÊ QUANG THANH

Chức vụ: Giám đốc

Đại diện nhà thầu (Bên B): CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC SÀI GÒN

Địa chỉ: 18-20 Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 39 400 388 (Line 137, 150, 124)

Đại diện là ông/bà: NGUYỄN HUY QUANG

Chức vụ: Phó Tổng Giám Đốc

Giấy ủy quyền số: *125/UQ-SPC-NSHC ngày 21 tháng 07 năm 2020.*

II. Nội dung thương thảo

Hai bên đã thương thảo và thống nhất các nội dung trong hợp đồng của Gói thầu thuốc generic (vắc xin):

1. Về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa HSMT và HSDT, giữa các nội dung khác nhau trong HSDT có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng: Không có.

2. Về các sai lệch do nhà thầu đã phát hiện và đề xuất trong HSDT, bao gồm cả các đề xuất thay đổi hoặc phương án thay thế của nhà thầu nếu trong HSMT có quy định cho phép nhà thầu chào phương án thay thế: Không có.

3. Về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu: Không có.

4. Về các sai sót không nghiêm trọng: Không có.

5. Các mặt hàng thuốc cung cấp: Mặt hàng thuốc do nhà thầu cung cấp đảm bảo đúng tên thuốc, tên hoạt chất, hàm lượng, dạng bào chế, đường dùng, đơn vị tính và các yêu cầu khác theo danh mục sau:

STT	Thành hoạt chất	Tên thuốc	Đơn vị tính	Hãng sản xuất, nước sản xuất	Số lượng	Giá dự thầu (có VAT)	Thành tiền (Đồng)
1	Giải độc tố bạch hầu >= 30 IU; giải độc tố uốn ván >= 40 IU; Các kháng nguyên Bordetella pertussis gồm giải độc tố (PTxd) 25 mcg và ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA) 25 mcg; Virus bại liệt týp 1 bất hoạt 40 D.U; Virus bại liệt týp 2 bất hoạt 8 D.U; Virus bại liệt týp 3 bất hoạt 32 D.U	TETRAXIM	Liều	Sanofi Pasteur, Pháp	720	378.672	272.643.840
2	Mỗi liều 0,5ml chứa: • Giải độc tố bạch hầu: không dưới 20IU; • Giải độc tố uốn ván: không dưới 40IU; • Kháng nguyên Bordetella pertussis Giải độc tố ho gà (PT): 25mcg; Ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA): 25 mcg; • Vi-rút bại liệt (bất hoạt) Týp 1 (Mahoney): 40 đơn vị kháng nguyên D; Týp 2 (MEF-1): 8 đơn vị kháng nguyên D; Týp 3 (Saukett): 32 đơn vị kháng nguyên D; • Kháng nguyên bề mặt viêm gan B: 10mcg • Polysaccharide của Haemophilus influenzae týp b (Polyribosylribitol Phosphate): 12mcg cộng hợp với protein uốn ván: 22-36mcg	HEXAXIM	Bơm Tiêm	Sanofi Pasteur S.A., Pháp	3600	824.000	2.966.400.000
3	Mỗi liều 0,5ml chứa: - Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh A) (đơn giá cộng hợp) 4µg; - Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh C) (đơn giá cộng hợp) 4µg; - Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh Y) (đơn giá	MENACTRA	Lọ	Sanofi Pasteur Inc., Mỹ	2500	1.050.000	2.625.000.000

STT	Thành hoạt chất	Tên thuốc	Đơn vị tính	Hãng sản xuất, nước sản xuất	Số lượng	Giá dự thầu (có VAT)	Thành tiền (Đồng)
	cộng hợp) 4µg; - Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh W-135) (đơn giá cộng hợp) 4µg; - Protein giải độc tố Bạch hầu 48µg * (Protein mang cộng hợp polysaccharide đối với tất cả các nhóm huyết thanh)						
4	Virus cúm tách ra từ các hạt virion, bất hoạt 15mcg HA/0,5ml	VAXIGRIP (0,5ML)	Bơm Tiêm	Sanofi Pasteur, Pháp	2000	215.985	431.970.000
5	Virus cúm tách ra từ các hạt virion, bất hoạt 7,5mcg HA/0,25ml	VAXIGRIP (0,25ML)	Bơm Tiêm	Sanofi Pasteur, Pháp	5000	169.950	849.750.000

Hạn sử dụng còn lại của thuốc trúng thầu tính từ thời điểm thuốc cung ứng cho cơ sở y tế bảo đảm tối thiểu còn 06 tháng đối với thuốc có hạn dùng từ 02 năm trở lên; 03 tháng đối với thuốc có hạn dùng từ 01 đến dưới 02 năm; 1/4 hạn dùng đối với thuốc có hạn dùng dưới 01 năm hoặc trường hợp đặc biệt chủ đầu tư/bên mời thầu và nhà thầu sẽ thương thảo.

6. Giá hàng hóa cung cấp: Đơn giá thuốc do nhà thầu cung cấp đảm bảo đúng theo đơn giá của thuốc trúng thầu.

7. Điều chỉnh giá hợp đồng và khối lượng hợp đồng:

Giá thuốc Bên B cung cấp và được Bên A thanh toán không cao hơn 5% so với giá thuốc cùng tên thương mại trúng thầu thấp nhất của các cơ sở y tế công lập Thành phố Hồ Chí Minh trong khoảng thời gian 6 tháng của ngày có kết quả Gói thầu thuốc generic (vắc xin) thuộc Dự án Mua sắm thuốc năm 2020 – 2021 theo Công văn số 2524/UBND-VX ngày 25/05/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc mua sắm thuốc tại các cơ sở y tế công lập của thành phố hoặc theo văn bản chỉ đạo mới của các cấp có thẩm quyền và Bảo hiểm Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh về nội dung nêu trên (nếu có). Nếu có giảm giá, thời điểm áp dụng tính từ ngày bắt đầu ký hợp đồng đến khi hợp đồng hết hiệu lực

8. Số lượng thuốc cung cấp: Bên A mua thuốc theo danh mục thuốc đính kèm, số lượng thuốc có thể thay đổi tùy theo nhu cầu sử dụng thực tế để phục vụ công tác khám chữa bệnh của bệnh viện.

Các trường hợp sau đây được phép mua vượt số lượng nhưng không được vượt quá 20% so với số lượng của nhóm thuốc đó trong hợp đồng đã ký (Khoản 5 Điều 37 Thông tư số 15/2019/TT-BYT của Bộ Y tế):

8.1. Đã sử dụng hết số lượng thuốc của các nhóm khác có cùng hoạt chất, nồng độ hoặc hàm lượng;

8.2. Các nhóm thuốc khác có cùng hoạt chất, cùng nồng độ hoặc hàm lượng đã trúng thầu nhưng buộc phải dừng cung ứng hoặc thuốc bị đình chỉ lưu hành, thuốc bị rút ra khỏi Danh mục thuốc có chứng minh tương đương sinh học sau khi đã trúng thầu;

8.3. Nhà thầu chưa cung cấp hết số lượng thuốc của một nhóm thuốc trong hợp đồng đã ký nhưng không có khả năng cung cấp tiếp vì các lý do bất khả kháng, trong trường hợp này phải có thông báo bằng văn bản kèm theo tài liệu chứng minh.

9. Bảo lãnh thực hiện hợp đồng: Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là 5% trên giá trị hợp đồng. Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải có hiệu lực cho đến khi toàn bộ thuốc được bàn giao, hai bên ký biên bản nghiệm thu.

10. Phương thức và thời hạn thanh toán: Thanh toán bằng chuyển khoản trong vòng 90 ngày kể từ khi Bên B xuất trình đầy đủ các chứng từ theo đúng qui định của pháp luật, hoàn tất thủ tục thanh toán (giao hàng, biên bản giao nhận hàng, hóa đơn hợp pháp, hợp lệ, biên bản nghiệm thu theo từng tháng, bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành (mẫu 8a), giấy ủy quyền đúng mẫu và các chứng từ thanh toán hợp lệ khác trong phạm vi trách nhiệm của Bên B theo từng đợt).

11. Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

12. Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

13. Bên B cam kết cung ứng hàng theo kết quả trúng thầu đã được ký kết trong hợp đồng mua bán thuốc giữa hai bên trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mà không chịu ảnh hưởng bởi sự biến động do bất kỳ nguyên nhân nào. Trường hợp Bên B có chính sách khuyến mãi hoặc giảm giá cho đơn vị y tế khác thì Bên B phải có trách nhiệm áp dụng chính sách khuyến mãi hoặc giảm giá đó cho Bên A.

14. Bên B cam kết giao hàng tại kho của Bên A trong vòng 24 giờ kể từ lúc nhận được đơn đặt hàng (bằng văn bản, thư điện tử hoặc bằng điện thoại) của Bên A.

15. Khi giao hàng cho bệnh viện, Bên B phải giao hóa đơn đồng thời với hàng hóa. Trong hóa đơn, Bên B phải ghi đầy đủ, rõ ràng các thông tin về tên thuốc, nồng độ, hàm lượng, hãng nước sản xuất, số lô và hạn dùng, số hợp đồng kinh tế thực hiện, số lượng, đơn giá, thành tiền. Trường hợp ghi sai hoặc thiếu một trong các thông tin trên, bệnh viện có quyền từ chối nhận hóa đơn và Bên B có trách nhiệm hoàn chỉnh lại các thông tin trên.

16. Bên B có trách nhiệm phối hợp với Bên A theo dõi tình hình thực hiện hợp đồng. Khi kết thúc hợp đồng, Bên B phải có trách nhiệm phối hợp với bệnh viện trong việc hoàn tất các thủ tục cần thiết để thanh toán, đối chiếu công nợ và thanh lý hợp đồng.

17. Bên B thống nhất ghi một tài khoản thanh toán nếu trường hợp có nhiều tài khoản. Bên B có trách nhiệm cung cấp đúng và đầy đủ thông tin chuyển khoản bằng văn bản cho Bên A các nội dung về tên và địa chỉ người thụ hưởng, số tài khoản và tên ngân hàng chuyển khoản. Trường hợp Bên B cung cấp sai hoặc thiếu các thông tin, mà lệnh chuyển khoản không thực hiện được thì Bên B sẽ chịu phí chuyển khoản lần 2 cho Kho bạc nhà nước.

Việc thương thảo hợp đồng kết thúc vào lúc 10 giờ, ngày 06/01/2021.

Biên bản thương thảo hợp đồng này được lập thành 03 bản, bên mời thầu giữ 02 bản, nhà thầu giữ 01 bản, các biên bản có giá trị pháp lý như nhau./.

ĐẠI DIỆN BÊN A **GIÁM ĐỐC**	**ĐẠI DIỆN BÊN B** **KT. TỔNG GIÁM ĐỐC** **PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**
SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH BỆNH VIỆN TỪ DŨ	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN
LÊ QUANG THANH	**NGUYỄN HUY QUANG**

ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

1. Định nghĩa	Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: 1.1. "Chủ đầu tư" là tổ chức được quy định tại **ĐKCT**; 1.2. "Hợp đồng" là thỏa thuận giữa Chủ đầu tư/Bên mời thầu và nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo; 1.3. "Nhà thầu" là nhà thầu trúng thầu (có thể là nhà thầu độc lập hoặc liên danh) và được quy định tại **ĐKCT**; 1.4. "Nhà thầu phụ" là một cá nhân hay tổ chức có tên trong danh sách các nhà thầu phụ do nhà thầu chính đề xuất trong HSDT hoặc nhà thầu thực hiện các phần công việc mà nhà thầu chính đề xuất trong HSDT; ký Hợp đồng với nhà thầu chính để thực hiện một phần công việc trong Hợp đồng theo nội dung đã kê khai trong HSDT được Chủ đầu tư/Bên mời thầu chấp thuận; 1.5. "Tài liệu Hợp đồng" nghĩa là các tài liệu được liệt kê trong Hợp đồng, bao gồm bất kỳ bản sửa đổi, bổ sung nào của Hợp đồng; 1.6. "Giá hợp đồng"là tổng số tiền ghi trong hợp đồng cho việc cung cấp thuốc và dịch vụ liên quan. Giá hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có); 1.7. "Ngày" là ngày dương lịch; tháng là tháng dương lịch; 1.8. "Hoàn thành" là việc Nhà thầu hoàn tất các dịch vụ liên quan theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng; 1.9. "Địa điểm dự án" là địa điểm được quy định tại **ĐKCT**.
2. Thứ tự ưu tiên	Các tài liệu cấu thành Hợp đồng được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây: 2.1. Hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng; 2.2. Thư chấp thuận HSDT và trao hợp đồng; 2.3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; 2.4. ĐKCT; 2.5. ĐKC; 2.6. HSDT và các văn bản làm rõ HSDT của Nhà thầu; 2.7. HSMT và các tài liệu sửa đổi HSMT (nếu có); 2.8. Các tài liệu khác quy định tại **ĐKCT**.
3. Luật và ngôn ngữ	Luật điều chỉnh hợp đồng là luật Việt Nam, ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt.
4. Ủy quyền	Trừ khi có quy định khác trong **ĐKCT**, Chủ đầu tư/Bên mời thầu có thể uỷ quyền thực hiện bất kỳ trách nhiệm nào của mình cho người khác, sau khi thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu và có thể rút lại quyết định uỷ quyền sau khi đã

	thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu.
5. Thông báo	5.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ quy định tại **ĐKCT**. 5.2. Thông báo của một bên sẽ được coi là có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.
6. Bảo đảm thực hiện hợp đồng	6.1. Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được nộp lên Chủ đầu tư/Bên mời thầu không muộn hơn ngày quy định tại Thư chấp thuận HSDT và trao hợp đồng. Bảo đảm thực hiện hợp đồng được áp dụng theo hình thức, giá trị và hiệu lực quy định tại **ĐKCT**. 6.2. Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại **ĐKCT**.
7. Nhà thầu phụ	7.1. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ quy định tại **ĐKCT** để thực hiện một phần công việc nêu trong HSDT. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư/Bên mời thầu về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do nhà thầu phụ thực hiện. Việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ ngoài danh sách các nhà thầu phụ đã được nêu tại Mục này chỉ được thực hiện khi có lý do xác đáng, hợp lý và được Chủ đầu tư/Bên mời thầu chấp thuận. 7.2. Nhà thầu không được sử dụng nhà thầu phụ cho các công việc khác ngoài công việc kê khai sử dụng nhà thầu phụ nêu trong HSDT. 7.3. Yêu cầu khác về nhà thầu phụ quy định tại **ĐKCT**.
8. Giải quyết tranh chấp	8.1. Chủ đầu tư/Bên mời thầu và nhà thầu có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải. 8.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian quy định tại **ĐKCT** kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được quy định tại **ĐKCT**.
9. Phạm vi cung cấp	Thuốc phải được cung cấp theo quy định tại Chương V - Phạm vi cung cấp và được đính kèm thành Phụ lục bảng giá hợp đồng và là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này, bao gồm các loại thuốc mà nhà thầu phải cung cấp cùng với đơn giá của các loại thuốc đó.
10. Tiến độ cung cấp thuốc, lịch hoàn	Tiến độ cung cấp thuốc và lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan (nếu có) phải được thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương V

thành các dịch vụ liên quan (nếu có) và tài liệu chứng từ	– Phạm vi cung cấp. Nhà thầu phải cung cấp các hoá đơn và/hoặc các chứng từ tài liệu khác theo quy định tại **ĐKCT**.
11. Trách nhiệm của Nhà thầu	Nhà thầu phải cung cấp toàn bộ thuốc và các Dịch vụ liên quan (nếu có) trong Phạm vi cung cấp quy định tại Mục 9 ĐKC và theo tiến độ cung cấp thuốc, lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan quy định tại Mục 10 ĐKC.
12. Loại hợp đồng và giá hợp đồng	12.1. Loại hợp đồng theo quy định tại **ĐKCT.** 12.2. Giá hợp đồng quy định tại **ĐKCT** là toàn bộ chi phí để thực hiện hoàn thành việc cung cấp thuốc và dịch vụ liên quan của gói thầu nêu trong Bảng giá hợp đồng trên cơ sở bảo đảm tiến độ, chất lượng theo đúng yêu cầu của gói thầu. Giá hợp đồng đã bao gồm toàn bộ các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có). 12.3. Bảng giá hợp đồng quy định tại Phụ lục bảng giá hợp đồng là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này, bao gồm phạm vi cung cấp và thành tiền của các hạng mục.
13. Điều chỉnh giá hợp đồng và khối lượng hợp đồng	Việc điều chỉnh giá hợp đồng và khối lượng hợp đồng thực hiện theo quy định tại **ĐKCT**.
14. Điều chỉnh thuế	Việc điều chỉnh thuế thực hiện theo quy định tại **ĐKCT**.
15. Thanh toán	15.1. Việc thanh toán thực hiện theo quy định tại **ĐKCT**. Trường hợp Chủ đầu tư/Bên mời thầu thanh toán chậm, Nhà thầu sẽ được trả lãi trên số tiền thanh toán chậm vào lần thanh toán kế tiếp. Lãi suất thanh toán chậm được tính từ ngày mà lẽ ra phải thanh toán cho đến ngày thanh toán thực tế và mức lãi suất áp dụng là mức lãi suất hiện hành đối với các khoản vay thương mại bằng VND. 15.2. Đồng tiền thanh toán là: VND.
16. Bản quyền	Nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về việc vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến thuốc mà nhà thầu đã cung cấp cho Chủ đầu tư/Bên mời thầu.
17. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng	17.1. Nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Chủ đầu tư/Bên mời thầu, Nhà thầu không được tiết lộ nội dung của hợp đồng cũng như đặc tính kỹ thuật, thông tin do Chủ đầu tư/Bên mời thầu hoặc đại diện của Chủ đầu tư/Bên mời thầu đưa ra cho bất cứ ai không phải là người có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng. Việc nhà thầu cung cấp các thông tin cho người có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng được thực hiện theo chế độ bảo mật và trong phạm vi cần thiết cho việc thực hiện hợp đồng này. 17.2. Nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Chủ đầu tư/Bên mời thầu, nhà thầu không được sử dụng bất cứ thông

	tin hoặc tài liệu nào quy định tại Mục 17.1 ĐKC này vào mục đích khác trừ khi vì mục đích thực hiện hợp đồng. 17.3. Các tài liệu quy định tại Mục 17.1 ĐKC thuộc quyền sở hữu của Chủ đầu tư/Bên mời thầu. Khi Chủ đầu tư/Bên mời thầu có yêu cầu, nhà thầu phải trả lại cho Chủ đầu tư/Bên mời thầu các tài liệu này (bao gồm cả các bản chụp) sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng.
18. Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn	Thuốc được cung cấp theo Hợp đồng này sẽ phải tuân theo các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đề cập tại Mục 2 Chương VI – Phạm vi cung cấp;
19. Đóng gói thuốc	Nhà thầu sẽ phải đóng gói thuốc đúng yêu cầu quy định tại **ĐKCT** phù hợp với từng loại phương tiện vận chuyển để chuyển thuốc từ nơi xuất hàng đến địa điểm giao hàng quy định. Việc đóng gói phải bảo đảm thuốc không bị hư hỏng do va chạm trong khi bốc dỡ vận chuyển và các tác động khác của môi trường. Kích thước và trọng lượng của mỗi kiện hàng phải tính đến điều kiện vận chuyển như khoảng cách, phương tiện vận chuyển, điều kiện cơ sở hạ tầng... từ nơi xuất hàng đến địa điểm giao hàng quy định.
20. Bảo hiểm	Thuốc cung cấp theo hợp đồng phải được bảo hiểm đầy đủ để bù đắp những mất mát, tổn thất bất thường trong quá trình sản xuất, vận chuyển, lưu kho và giao hàng theo những nội dung được quy định tại **ĐKCT**.
21. Vận chuyển và các dịch vụ phát sinh	Yêu cầu về vận chuyển thuốc và các yêu cầu khác được quy định tại **ĐKCT**.
22. Kiểm tra và thử nghiệm thuốc	22.1. Chủ đầu tư/Bên mời thầu hoặc đại diện của Chủ đầu tư/Bên mời thầu có quyền kiểm tra, thử nghiệm thuốc được cung cấp để khẳng định thuốc đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Nội dung, địa điểm và cách thức tiến hành kiểm tra, thử nghiệm được quy định tại **ĐKCT**. 22.2. Bất kỳ thuốc nào qua kiểm tra, thử nghiệm mà không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Chủ đầu tư/Bên mời thầu có quyền từ chối.
23. Bồi thường thiệt hại	Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục 25ĐKC, nếu nhà thầu không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Chủ đầu tư/Bên mời thầu có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền bồi thường tương ứng với % giá trị công việc chậm thực hiện như quy định tại **ĐKCT** tính cho mỗi tuần chậm thực hiện hoặc khoảng thời gian khác như thỏa thuận cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Chủ đầu tư/Bên mời thầu sẽ khấu trừ đến % tối đa như quy định tại **ĐKCT**.

	Khi đạt đến mức tối đa, Chủ đầu tư/Bên mời thầu có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 28 ĐKC.
24. Yêu cầu chất lượng và hạn sử dụng thuốc	24.1. Nhà thầu bảo đảm rằng thuốc được cung cấp bảo đảm chất lượng theo tiêu chuẩn đã cấp phép lưu hành và bảo đảm còn hạn sử dụng, trừ khi có quy định khác nêu tại **ĐKCT**. Ngoài ra, nhà thầu cũng phải bảo đảm rằng thuốc được cung cấp theo hợp đồng sẽ không có các khuyết tật nảy sinh có thể dẫn đến những bất lợi trong quá trình sử dụng bình thường của thuốc. 24.2. Yêu cầu về hạn sử dụng đối với thuốc quy định tại **ĐKCT.**
25. Bất khả kháng	25.1. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là những sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các bên, chẳng hạn như: chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch. 25.2. Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng. Trong khoảng thời gian không thể thực hiện hợp đồng do điều kiện bất khả kháng, Nhà thầu theo hướng dẫn của Chủ đầu tư/Bên mời thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng. Trong trường hợp này, Chủ đầu tư/Bên mời thầu phải xem xét để bồi hoàn cho Nhà thầu các khoản phụ phí cần thiết và hợp lý mà họ phải gánh chịu. 25.3. Một bên không hoàn thành nhiệm vụ của mình do trường hợp bất khả kháng sẽ không phải bồi thường thiệt hại, bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng. Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định tại Mục 8 ĐKC.
26. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng	26.1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau: a) Thay đổi phương thức vận chuyển hoặc đóng gói; b) Thay đổi địa điểm giao hàng; c) Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng; d) Thay đổi thuốc trúng thầu; đ) Các nội dung khác quy định tại **ĐKCT**. 26.2. Chủ đầu tư/Bên mời thầu và nhà thầu sẽ tiến hành

	thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng trong trường hợp hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng.
27. Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng	Tiến độ thực hiện hợp đồng chỉ được điều chỉnh trong trường hợp sau đây: 27.1. Trường hợp bất khả kháng, không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng; 27.2. Thay đổi phạm vi cung cấp, biện pháp cung cấp do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng; 27.3. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng mà không làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án thì các bên tham gia hợp đồng thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án thì phải báo cáo người có thẩm quyền xem xét, quyết định. 27.4. Các trường hợp khác quy định tại **ĐKCT**.
28. Chấm dứt hợp đồng	28.1. Chủ đầu tư/Bên mời thầu hoặc nhà thầu có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau: a) Nhà thầu không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Chủ đầu tư/Bên mời thầu gia hạn; b) Chủ đầu tư/Bên mời thầu hoặc Nhà thầu bị phá sản hoặc phải thanh lý tài sản để tái cơ cấu hoặc sáp nhập; c) Có bằng chứng cho thấy Nhà thầu đã vi phạm một trong các hành vi bị cấm quy định tại Điều 89 Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 trong quá trình đấu thầu hoặc thực hiện Hợp đồng; d) Các hành vi khác quy định tại **ĐKCT**. 28.2. Trong trường hợp Chủ đầu tư/Bên mời thầu chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng theo điểm a Mục 28.1 ĐKC thì nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Chủ đầu tư/Bên mời thầu những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, nhà thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng do mình thực hiện. 28.3. Trong trường hợp Chủ đầu tư/Bên mời thầu chấm dứt hợp đồng theo quy định tại điểm b Mục 28.1 ĐKC, Chủ đầu tư/Bên mời thầu không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Chủ đầu tư/Bên mời thầu được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

ĐKC 1.1	Chủ đầu tư/Bên mời thầu là: Bệnh viện Từ Dũ
ĐKC 1.3	Nhà thầu: Công Ty TNHH Một Thành Viên Dược Sài Gòn
ĐKC 1.9	Địa điểm Dự án/Điểm giao hàng cuối cùng là: Khoa Dược – Bệnh viện Từ Dũ (284 Cống Quỳnh, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP.HCM)
ĐKC 2.8	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: 1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phạm vi cung cấp và bảng giá cùng các Phụ lục khác); 2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng; 3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; 4. Điều kiện cụ thể của hợp đồng; 5. Điều kiện chung của hợp đồng; 6. Hồ sơ dự thầu và các văn bản làm rõ hồ sơ dự thầu của nhà thầu trúng thầu (nếu có); 7. Hồ sơ mời thầu và các tài liệu sửa đổi hồ sơ mời thầu (nếu có); 8. Thư chấp thuận HSDT và trao Hợp đồng; 9. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).
ĐKC 4	Chủ đầu tư/Bên mời thầu [*có thể hoặc không thể]* ủy quyền các nghĩa vụ và trách nhiệm của mình cho người khác.
ĐKC 5.1	Các thông báo cần gửi về Chủ đầu tư/Bên mời thầu theo 02 địa chỉ dưới đây: Người nhận: ___*[ghi tên đầy đủ của người nhận, nếu có]*. Địa chỉ: Bệnh viện Từ Dũ, 284 Cống Quỳnh, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1. Điện thoại: (08) 54042829 - 38398280 Fax: 54042826 Địa chỉ email: ___*[ghi địa chỉ email (nếu có)]*.
ĐKC 6.1	Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: nhà thầu cung cấp một bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh do Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành. Trường hợp Nhà thầu nộp Thư bảo lãnh của Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành thì phải là bảo đảm không có điều kiện (trả tiền khi có yêu cầu, theo Mẫu số 17(a) và Mẫu số 17(b) Chương VIII – Biểu mẫu hợp đồng). Đối với giá trị bảo lãnh thực hiện hợp đồng không quá 1 triệu đồng thì nhà thầu có thể nộp bằng tiền mặt tại phòng Tài chính kế toán của Bên mời thầu.

	- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 5% giá hợp đồng. - Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi toàn bộ thuốc được bàn giao, hai bên ký biên bản nghiệm thu và Nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định.
ĐKC 6.2	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: 30 ngày kể từ ngày hai bên ký biên bản nghiệm thu và Nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định.
ĐKC 7.1	Danh sách nhà thầu phụ: không áp dụng
ĐKC 7.3	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ: không áp dụng
ĐKC 8.2	- Thời gian để tiến hành hòa giải: 30 ngày kể từ ngày gửi yêu cầu giải quyết tranh chấp. - Giải quyết tranh chấp: Khi phát sinh tranh chấp, bên yêu cầu giải quyết tranh chấp gửi văn bản đề nghị giải quyết tranh chấp. Thời gian giải quyết tranh chấp là 30 ngày kể từ ngày gửi yêu cầu giải quyết tranh chấp, nếu trong thời gian này hai bên không thỏa thuận được thì một trong các bên gửi đơn khiếu kiện giải quyết tranh chấp ra Trọng tài thương mại để giải quyết.
ĐKC 10	Nhà thầu phải cung cấp các thông tin và chứng từ sau đây về việc vận chuyển thuốc: Hóa đơn thuốc, Phiếu kiểm nghiệm cho từng lô hàng theo quy định khi có yêu cầu. Chủ đầu tư/Bên mời thầu phải nhận được các tài liệu chứng từ nói trên trước khi thuốc đến nơi, nếu không Nhà thầu sẽ phải chịu trách nhiệm về bất kỳ chi phí nào phát sinh do việc này. Nhà thầu cam kết phiếu kiểm nghiệm cho từng lô hàng đạt yêu cầu chất lượng theo đúng hồ sơ đăng ký thuốc đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
ĐKC 12.1	Loại hợp đồng: Trọn gói.
ĐKC 12.2	Giá hợp đồng: **7.145.763.840 đồng** Số tiền bằng chữ: Bảy tỷ một trăm bốn mươi lăm triệu bảy trăm sáu mươi ba nghìn tám trăm bốn mươi đồng.
ĐKC 13	Điều chỉnh giá hợp đồng và khối lượng hợp đồng: Không áp dụng
ĐKC 14	Điều chỉnh thuế: không được phép

ĐKC 15.1	- Phương thức thanh toán: Việc thanh toán giá trị thuốc y tế cung cấp được thực hiện giữa bệnh viện và nhà thầu. - Phương thức thanh toán: Thanh toán bằng chuyển khoản. - Điều kiện thanh toán: Thuốc y tế được xem là đủ điều kiện thanh toán khi đã được giao cho bệnh viện, được kiểm tra đạt chất lượng và được cung cấp đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ. - Thời hạn thanh toán trong vòng 90 ngày kể từ khi nhà thầu xuất trình đầy đủ các chứng từ theo đúng qui định của pháp luật. Đồng thời, cần quy định cụ thể về chứng từ thanh toán phù hợp với quy định của pháp luật. (Khi phía bệnh viện nhận đầy đủ hóa đơn, biên bản nghiệm thu theo từng tháng, giấy ủy quyền đúng mẫu và chứng từ hợp lệ)
ĐKC 19	Đóng gói thuốc: - Thuốc y tế phải được đóng gói, bao bì cẩn thận trước khi giao hàng; - Cách thức đóng gói, vật liệu đóng gói, thông tin về thuốc y tế ghi trên bao kiện đóng gói..v..v..do bệnh viện qui định cụ thể với nhà thầu trong hợp đồng mua bán thuốc.
ĐKC 20	Nội dung bảo hiểm: Nhà thầu có thể mua bảo hiểm thuốc y tế cung cấp theo hợp đồng bằng đồng tiền có thể tự do chuyển đổi để được bảo hiểm đầy đủ, bù đắp những mất mát, tổn thất bất thường trong quá trình sản xuất, vận chuyển, lưu kho và giao hàng.
ĐKC 21	Yêu cầu về vận chuyển thuốc: - Thuốc y tế phải được giao tại Khoa Dược, Bệnh viện Từ Dũ, số 284 Cống Quỳnh, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP.HCM. - Các yêu cầu khác: sẽ quy định chi tiết trong thương thảo hợp đồng.
ĐKC 22.1	Kiểm tra, thử nghiệm thuốc: sẽ quy định chi tiết trong thương thảo hợp đồng.
ĐKC 23	Tổng giá trị bồi thường thiệt hại tối đa là: 100% Mức khấu trừ: 0,1% giá trị trúng thầu bị vi phạm cho mỗi ngày chậm tiến độ. Mức khấu trừ tối đa: 8% giá trị trúng thầu bị vi phạm
ĐKC 24.1	Nội dung yêu cầu bảo đảm khác đối với thuốc: sẽ quy định chi tiết trong thương thảo hợp đồng.
ĐKC 24.2	Yêu cầu về chất lượng và hạn sử dụng: - Đảm bảo còn hạn sử dụng: Hạn sử dụng còn lại của thuốc trúng thầu tính từ thời điểm thuốc cung ứng cho cơ sở y tế phải bảo đảm tối thiểu còn 06 tháng đối với thuốc có hạn dùng từ 02 năm trở lên; 03 tháng đối với thuốc có hạn dùng từ 01 đến dưới 02 năm; 1/4 hạn dùng đối với thuốc có hạn dùng dưới 01 năm hoặc trường hợp đặc biệt chủ đầu tư/bên mời thầu và nhà thầu sẽ thương thảo. - Cơ chế giải quyết các hư hỏng, khuyết tật phát sinh, thuốc kém chất lượng, phản ứng có hại của thuốc phát sinh trong quá trình sử dụng thuốc:

	+ Chủ đầu tư/Bên mời thầu hoặc bên mua thông báo cho Nhà thầu về các hư hỏng, khuyết tật, thuốc kém chất lượng, phản ứng có hại của thuốc phát sinh; + Nhà thầu phải tiến hành khắc phục thuốc kém chất lượng, phản ứng có hại của thuốc sau khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư/Bên mời thầu hoặc bên mua trong vòng 48 giờ; Nhà thầu phải chịu toàn bộ chi phí cho việc khắc phục các hư hỏng, khuyết tật, thuốc kém chất lượng, phản ứng có hại của thuốc.
ĐKC 26.1 (d)	Các nội dung khác về hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng: Trong trường hợp thuốc dự thầu có thay đổi trong quá trình đấu thầu hoặc cung ứng thuốc trúng thầu, Chủ đầu tư/Bên mời thầu có thể xem xét để nhà thầu thay thế thuốc, cụ thể: - Thay đổi số đăng ký do thực hiện thủ tục đăng ký lại hoặc được cấp giấy phép nhập khẩu mới nhưng các thông tin khác không thay đổi (tên thuốc, nhà sản xuất, tiêu chuẩn chất lượng, tuổi thọ, phân nhóm thuốc dự thầu). - Thay đổi liên quan đến tên thuốc, tên nhà máy sản xuất, quy cách đóng gói trong quá trình lưu hành có sự đồng ý của cơ quan quản lý nhà nước, nhưng số đăng ký hoặc giấy phép nhập khẩu không thay đổi. Trong trường hợp thay thế thuốc, nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin cần thiết để Bên mời thầu có thể đánh giá việc thay thế, bao gồm: bản sao (có dấu xác nhận của nhà thầu) Giấy phép lưu hành sản phẩm (MA) hoặc Giấy chứng nhận sản phẩm dược (CPP), các công văn cho phép thay đổi, bổ sung của cơ quan quản lý nhà nước (nếu có), mẫu nhãn hoặc Tờ hướng dẫn sử dụng có dấu xác nhận của cơ quan cấp phép và thuyết minh về tiêu chuẩn chất lượng không thay đổi của thuốc dự thầu, thuốc đề xuất thay thế. *Trường hợp thuốc dự thầu có thay đổi trong quá trình lựa chọn nhà thầu hoặc cung ứng thuốc trúng thầu nhưng thuốc thay thế chưa được chào trong hồ sơ dự thầu, chủ đầu tư/bên mời thầu được xem xét để nhà thầu thay thế thuốc theo quy định tại Khoản 6 Điều 37 của Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019.* 2. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp Bộ Y tế hoặc Bảo hiểm xã hội Việt Nam công bố: - Kết quả đàm phán giá thuốc đối với các thuốc thuộc danh mục thuốc đàm phán giá do Bộ Y tế thực hiện. - Kết quả đấu thầu thuốc tập trung cấp quốc gia đối với danh mục thuốc đấu thầu tập trung cấp quốc gia do Bộ Y tế (Trung tâm mua sắm thuốc tập trung quốc gia) hoặc Bảo hiểm xã hội Việt Nam thực hiện.

	Nếu giá trúng thầu đang thực hiện hợp đồng cao hơn giá thuốc đàm phán giá hoặc giá thuốc trúng thầu tập trung quốc gia đối với các thuốc tương tự (cùng hoạt chất/tên thương mại, hàm lượng, dạng bào chế, phân nhóm kỹ thuật...) thì nhà thầu phải thực hiện điều chỉnh giá thuốc không cao hơn giá các thuốc này. 3. Trường hợp nhu cầu sử dụng thuốc của các cơ sở y tế cao hơn so với số lượng trúng thầu trong hợp đồng: áp dụng theo Khoản 12 Điều 41 Thông tư 15/2019/TT-BYT. 4. Các trường hợp cần hiệu chỉnh, bổ sung khác (nếu có)
ĐKC 27.4	Các trường hợp khác: sẽ quy định chi tiết trong thương thảo hợp đồng.
ĐKC 28.1 (d)	Các hành vi khác: sẽ quy định chi tiết trong thương thảo hợp đồng.